

Bản án số: **90/2024/HS-ST**  
Ngày: 30-8-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Đào Vi.

*Thẩm phán:* Ông Hoàng Quang Bình.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Dương Tuấn Anh, ông Nguyễn Tiên Nam và ông Võ Văn Chinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Anh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Trần Sơn và bà Đặng Thị Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 đường Tôn Đức Thắng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 62/2024/TLST-HS ngày 04/6/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2024/QĐXXST-HS ngày 12/8/2024, đối với:

Bị cáo: **Đậu Quang D**; giới tính: Nam; sinh ngày 19/5/1957 tại Hà Tĩnh; nơi ĐKNKTT: Tổ 4, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; cư trú tại: Số 20 Lô 2 Ngõ 217 Đê La Thành, phường O, quận Đ, Hà Nội; nghề nghiệp: Tự do; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: lớp 10/10 (Bằng Tiến sĩ); con ông Đậu Xuân S và bà Hồ Thị T (đều đã chết); có vợ là Trần Thị Thu H, sinh năm 1961 và 03 con (lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2000); Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Ngày 16/5/1998, bị Tòa án thị xã N, tỉnh Ninh Bình xử phạt 04 tháng tù về tội “Giả mạo giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội” (Bản án số 18/ST);

- Ngày 13/6/2023, bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Bản án số 420/2023/HS-PT).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/6/2021 trong vụ án khác; hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Hà – Bộ Công an; được trích xuất và có mặt tại phiên tòa.

\* **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1958; trú tại: 155 Phạm Văn Đồng, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (*Phòng khám bác sỹ Thạch*); vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại:* Luật sư Hoàng Văn Hường và luật sư Từ Thị Bích Nguyệt; địa chỉ: P.202, tòa nhà N3B, đường L, phường N, quận T, Hà Nội (Văn phòng luật sư Hoàng Hưng); vắng mặt.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người làm chứng:*

1. Luật sư Đỗ Văn Nhãn; trú tại: 193 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Luật sư Trương Quốc Hòe; sinh năm 1962; trú tại: 25/66/13 Ngõ Đình Đông, phường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lê Huỳnh Đ, sinh năm 1995; trú tại: Tổ 6, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

2. Anh Trần Mạnh T, sinh năm 1983; trú tại: Xóm 3, xã An Ninh, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1991; trú tại: Thôn Nhị Khê, xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội; vắng mặt.

4. Chị Đỗ Thị Thanh T; trú tại: P.421-K1, phố Nghĩa Tan, quận Cầu Giấy, Hà Nội; vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Văn K; trú tại: Cụm 4, xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, Hà Nội; vắng mặt.

6. Anh Trần Ngọc T; trú tại: 12/62/11 đường 339, phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

7. Bà Trịnh Thị Mai V; trú tại: 78 Hàng Điều, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; vắng mặt.

8. Anh Đinh Anh P, sinh năm 1985; trú tại: Ngõ 143 Đê Trần Khát Chân, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; vắng mặt.

9. Chị Trương Thị N, sinh năm 1993; trú tại: xóm Trung Đồng, xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

10. Anh Lương Hữu N, sinh năm năm 1982; trú tại: Số nhà 10, Ngách 14, Ngõ 152, đường Vũ Quang, phường Thạch Linh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

11. Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1965; trú tại: 19C Cát Linh, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội; vắng mặt.

12. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975; trú tại: Số nhà 23, Ngách 46/58 Hào Nam, phường O, quận Đ, Hà Nội; vắng mặt.

13. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1979; trú tại: Thôn Yên Phú, xã Văn Phú, huyện Thường Tín, Hà Nội; vắng mặt.

14. Anh Đậu Nam K, sinh năm 1991; trú tại: 46A Ngách 48, Ngõ 426 đường Láng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội; vắng mặt.

15. Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1961 và anh Đậu Trung Hiếu, sinh năm 1994; trú tại: 64A Ngách 48, Ngõ 426 đường Láng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội; vắng mặt.

16. Anh Bùi Trung Đ; trú tại: Số 20 Ngách 52/38, phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội; vắng mặt.

*\* Người làm chứng:*

1. Anh La Minh T, sinh năm 1978; trú tại: 69 Phan Đình Phùng, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

2. Chị Phạm Thị Anh T, sinh năm 1994; địa chỉ liên lạc: 155 Phạm Văn Đồng, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (*Phòng khám bác sỹ Thạch*); vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, con trai của Bà Nguyễn Thị Ngọc L là Lê Quang H Phương bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H khởi tố, bắt tạm giam về các tội “Hiếp dâm”, “Cố ý gây thương tích” và “Bắt giữ người trái pháp luật”, vì vậy Bà L muốn tìm luật sư giỏi để bào chữa cho Phương. Khoảng cuối năm 2019, được người cháu là La Minh Tú (sinh năm 1978; ở tại số 69 Phan Đình Phùng, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh) giới thiệu nên Bà L đã đến nhà Đậu Quang D ở ngõ 22 Nguyễn Huy Tự, phường Nguyễn Du, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Tại đây, Bà L trình bày với D nội dung vụ án liên quan đến Phương, đồng thời nhờ D kêu oan cho Phương. Sau khi nghe Bà L trình bày, D nói vụ án này có oan sai và hứa hẹn sẽ giúp đỡ Bà L tác động ra Trung ương để kêu oan cho Phương. Được D giới thiệu mình là Tiến sỹ Luật, đã từng công tác tại Viện Kiểm sát nhân dân tối cao nên Bà L tin tưởng và đồng ý chịu mọi chi phí để kêu oan cho Phương.

Tháng 01/2020, Đậu Quang D đã liên hệ với 02 Luật sư là Đỗ Văn Nhận (Giám đốc Công ty luật TNHH MTV Tín Đạt - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội) và Trương Quốc Hòe (Trưởng Văn phòng luật sư Interla - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội) và cung cấp cho Đỗ Văn Nhận và Trương Quốc Hòe số điện thoại của Bà L. Sau đó, 02 luật sư Đỗ Văn Nhận và Trương Quốc Hòe đã trực tiếp liên hệ với Bà L và đăng ký thực hiện việc bào chữa theo quy định của pháp luật cho Phương.

Quá trình trao đổi với Bà L về vụ án Lê Quang Huy Phương. D nói với Bà L vụ án Lê Quang Huy Phương do Công an thành phố H thụ lý là có oan sai, Phương không phạm tội, D hứa hẹn sẽ có tác động từ trung ương đến các cơ quan tố tụng thành phố H và nhiều lần đưa thông tin với Bà L là Phương sẽ được thả về. Liên tục từ tháng 01/2020 đến tháng 03/2021, Đậu Quang D đã yêu cầu Bà L chuyển tiền để chi phí trong việc “kêu oan” cho Phương. Tin tưởng vào những lời hứa hẹn của D, Bà L đã nhiều lần chuyển khoản tổng cộng số tiền 2.515.000.000 đồng cho Đậu Quang D để “kêu oan” cho Phương. Cụ thể như sau:

**Lần 1:** Ngày 13/01/2020, Bà L đã đưa số tiền 250.000.000 đồng và số tài khoản 94391668 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPbank) cho Phạm Thị Anh Thi (sinh năm 1994; trú tại xã Quảng Phước, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế; là nhân viên tại phòng khám của chồng Bà L) và nhờ Thi đi nộp số tiền vào tài khoản trên. Cùng ngày, Thi đã đến Ngân hàng và nộp số tiền 250.000.000 đồng vào tài khoản 94391668 của Đậu Quang D tại VPbank.

**Lần 2:** Ngày 22/01/2020, Đậu Quang D cung cấp số tài khoản 00211000427073 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) của Trần Mạnh T (sinh năm 1983; trú tại xã An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình) cho Bà L. D thông tin cho Bà L, Trần Mạnh T là cháu của Trần Quốc Vượng và yêu cầu Bà L chuyển số tiền 60.000.000 đồng vào tài khoản trên. Trong cùng ngày, Bà L đã chuyển từ tài khoản 00161001755555 của Bà L tại VCB đến tài khoản 00211000427073 của Trần Mạnh T tại VCB số tiền 60.000.000 đồng. Thực tế, D dùng số tiền này để trả nợ trước đó cho anh Trần Mạnh T, mà không dùng vào việc “kêu oan” cho Lê Quang Huy Phương.

**Lần 3:** Ngày 31/7/2020, Bà L chuyển số tiền 500.000.000 đồng từ tài khoản 00161001755555 của Bà L tại VCB đến tài khoản 0451000333732 của Đậu Quang D tại VCB.

**Lần 4:** Ngày 03/8/2020, Bà L chuyển số tiền 200.000.000 đồng từ tài khoản 00161001755555 của Bà L tại VCB đến tài khoản 0451000333732 của Đậu Quang D tại VCB.

**Lần 5:** Ngày 26/8/2020, Bà L chuyển số tiền 300.000.000 đồng từ tài khoản 040042045758 của Bà L tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) đến tài khoản 0451000333732 của Đậu Quang D tại VCB.

**Lần 6:** Ngày 14/9/2020, Bà L chuyển số tiền 300.000.000 đồng từ tài khoản 040042045758 của Bà L tại Sacombank đến tài khoản 0451000333732 của Đậu Quang D tại VCB.

**Lần 7:** Ngày 17/9/2020, Bà L chuyển số tiền 200.000.000 đồng từ tài khoản 00161001755555 của Bà L tại VCB đến tài khoản 0451000333732 của Đậu Quang D tại VCB.

**Lần 8:** Ngày 20/01/2021, Bà L chuyển số tiền 505.000.000 đồng từ tài khoản 00161001755555 của Bà L tại VCB đến tài khoản số 94391668 của Đậu Quang D tại VPbank.

**Lần 9:** Ngày 27/01/2021, Bà L chuyển số tiền 100.000.000 đồng từ tài khoản 00161001755555 của Bà L tại VCB đến tài khoản 0451000333732 của Đậu Quang D tại VCB.

**Lần 10:** Ngày 10/3/2021, Đậu Quang D yêu cầu Bà L chuyển thêm 100.000.000 đồng nữa để Tòa án nhân dân tối cao lên tiếng tác động đến vụ án Lê Quang Huy Phương, cùng ngày Bà L chuyển số tiền 100.000.000 đồng từ tài khoản 00161001755555 của Bà L tại VCB đến tài khoản 0451000333732 của Đậu Quang D tại VCB.

Đến ngày 26/3/2021, Tòa án nhân dân thành phố H xét xử vụ án Lê Quang Huy Phương và ra Bản án số 54/2021/HS-ST tuyên bố Lê Quang Huy Phương phạm tội “Cố ý gây thương tích”, “Hiếp dâm”, “Giữ người trái pháp luật”, tổng hợp hình phạt phải chấp hành là 6 năm 8 tháng tù. Đến lúc này Bà L mới nhận thấy rõ việc Đậu Quang D đưa thông tin Lê Quang Huy Phương bị oan là không có căn cứ và chỉ nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của bà nên yêu cầu D phải trả lại tiền. Đến ngày 08/7/2021, biết D bị Cơ quan An ninh điều tra Công an Thành phố Hà Nội khởi tố, bắt tạm giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên Bà L đã viết đơn tố giác Đậu Quang D gửi đến Công an Thành phố Hà Nội.

Quá trình giải quyết đơn tố giác của Bà L, Cơ quan An ninh điều tra Công an Thành phố Hà Nội xác định nội dung diễn biến vụ việc xảy ra tại tỉnh Thừa Thiên Huế nên đã ra Quyết định số 16/QĐ-ANĐT-Đ1 ngày 15/6/2022 tách hành vi, tài liệu và chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thừa Thiên Huế để tiếp tục điều tra theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, Đậu Quang D không khai rõ việc sử dụng số tiền 2.515.000.000 đồng chiếm đoạt của Bà L vào mục đích gì. Tuy nhiên qua đối soát tài liệu sao kê tài khoản 0451000333732 tại Ngân hàng Vietcombank và tài khoản 94391668 tại Ngân hàng VPbank của Đậu Quang D do Ngân hàng Vietcombank và VPbank cung cấp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế xác định số tiền chiếm đoạt của Bà L được D sử dụng vào nhiều mục đích cá nhân khác nhau, trong đó có chuyển cho vợ, con (gồm: Trần Thị Thu Hà, Đậu Nam Khánh, Đậu Phú Thành, Đậu Trung Hiếu, con dâu là Ngô Hương Giang), chuyển cho nhiều người khác nhau với mục đích cá nhân. Trong đó Đậu Quang D có chuyển cho Luật sư Đỗ

Văn Nhận 40.000.000 đồng và chuyển cho Luật sư Trương Quốc Hòe 30.000.000 đồng tiền chi phí bào chữa cho Lê Quang Huy Phương. Kết quả làm việc với vợ, con của Đậu Quang D và một số người liên quan nhận tiền chuyển khoản từ Đậu Quang D xác định tất cả những người này đều không biết số tiền họ được chuyển khoản là do Đậu Quang D chiếm đoạt được của Bà L mà có.

*\* Về thu giữ và giám định dữ liệu điện tử:*

Trong quá trình tố giác, Bà L đã giao nộp 08 (tám) file ghi âm các cuộc gọi điện thoại nói chuyện với Đậu Quang D cho Cơ quan An ninh điều tra Công an Thành phố Hà Nội.

Ngày 20/12/2021, Cơ quan An ninh điều tra Công an Thành phố Hà Nội đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 02 đề nghị Viện khoa học hình sự - Bộ Công an trưng cầu giám định âm thanh đối với 08 (tám) file ghi âm do Bà L giao nộp.

Ngày 21/03/2022, Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an có Kết luận giám định số 9208/KL-KTHS, kết luận:

- Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file âm thanh mẫu cần giám định.

- Thời gian khởi tạo các file:

+ File “Chú D ck 300-500tr 26.8.20.m4a” là ngày 26/8/2020.

+ File “Chu D nói cpi kinh phí 10.9.20.m4a” là ngày 10/9/2020.

+ 02 file “ct Tr mạnh Tùng cháu của TQVuon 22-1.m4a” và “ct Tr mạnh Tùng cháu của TQVuon 22-1.m4a” là ngày 22/01/2020.

+ 02 file “ D đậu 11-9.m4a” và “ D đậu 11-9-20.m4a” là ngày 11/9/2020.

+ 02 file “Ông D 4ty 10-3-21.m4a” và “Ông D 4ty.m4a” là ngày 10/3/2021.

- Tiếng nói của người nam giới trong mẫu cần giám định (được ký hiệu là “ D” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Đậu Quang D trong mẫu so sánh là của cùng một người.

- Toàn bộ nội dung các cuộc hội thoại trong mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản (Chi tiết trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định kèm theo).

Kèm theo Kết luận giám định: 01 (một) Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định gồm 11 (mười một) trang A4.

Vật chứng thu giữ do Nguyễn Thị Ngọc Lan giao nộp gồm:

+ 10 (mười) chứng từ giao dịch thể hiện việc chuyển tổng số tiền 2.515.000.000 đồng đến tài khoản 0451000333732 tại Ngân hàng Vietcombank, tài khoản 94391668 tại Ngân hàng VPbank của Đậu Quang D và tài khoản 00211000427073 tại Ngân hàng Vietcombank của Trần Mạnh T.

+ 01 (một) tập tài liệu tổng hợp (Bà L trình bày do D đưa cho Bà L)

+ 01 (một) USB hiệu Sandisk, dung lượng 08GB có lưu 08 file ghi âm nói chuyện giữa D và Bà L.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, bị cáo Đậu Quang D thừa nhận có nhận số tiền 2.515.000.000 đồng từ Bà Nguyễn Thị Ngọc L. D cho rằng số tiền này là Bà L trả cho D để thực hiện “dịch vụ pháp lý” giúp Bà L. Đậu Quang D không thừa nhận hành vi phạm tội, cho rằng bản thân không phải là bị can, không nhận các Quyết định tố tụng hình sự, cho rằng bị khởi tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là oan sai.

Trong quá trình điều tra, Bà Nguyễn Thị Ngọc L còn trình bày: Khoảng cuối năm 2019, sau khi được La Minh Tú giới thiệu, Bà L đã đến nhà D ở ngõ 22 Nguyễn Huy Tự, phường Nguyễn Du, thành phố Hà Tĩnh. Tại đây, Bà L đã đưa trực tiếp cho D số tiền 500.000.000 đồng để “kêu oan” cho Lê Quang Huy Phương. Ngoài ra, vào khoảng tháng 01/2020, Đậu Quang D đã đến nhà bà tại số 155 Phạm Văn Đồng, phường V, thành phố H yêu cầu đưa thêm chi phí để tiếp tục “kêu oan” cho Phương, nên Bà L đã đưa cho Đậu Quang D 50.000 USD (Năm mươi ngàn đô la Mỹ). 02 lần Bà L đưa tiền trực tiếp cho D như đã nêu trên đều không yêu cầu D viết giấy nhận tiền. Đậu Quang D không thừa nhận việc nhận số tiền trên. Ngoài ra, không có tài liệu chứng cứ gì khác chứng minh D có nhận số tiền này nên không xem xét, xử lý.

\* *Về trách nhiệm dân sự:* Tại giai đoạn điều tra, bị hại Bà Nguyễn Thị Ngọc L yêu cầu Đậu Quang D trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 2.515.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại giai đoạn xét xử, Bà L đã có Đơn xin rút lại yêu cầu bị cáo D phải bồi thường số tiền nêu trên. Ngoài ra, Bà L cũng đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D.

\* *Về vấn đề nhân thân của Đậu Quang D:*

Tại buổi làm việc ngày 15/03/2023 với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, Đậu Quang D khai nhận sinh ngày 19/05/1964 tại Hà Tĩnh. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả ủy thác điều tra tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh; Bản án hình sự sơ thẩm số 18/HSST ngày 16/5/1998 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Bình (xử phạt Đậu Quang D 04 (bốn) tháng tù về tội “Giả mạo giấy chứng nhận tài liệu của cơ quan Nhà nước”); Bản kết luận điều tra vụ án hình sự truy tố số 23/KLĐT-ANĐT-Đ1 ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Cơ quan An ninh điều tra, Công an thành phố Hà Nội đối với Đậu Quang D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 4, Điều 174 BLHS; Bản án số 420/2023/HS-PT ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội (xử phạt Đậu Quang D 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”) có đủ cơ sở xác định Đậu Quang D thay đổi ngày tháng năm sinh từ 19/5/1957 thành 19/5/1964 nhằm che đậy lịch sử bản thân phạm tội “Giả mạo giấy chứng nhận tài liệu của cơ quan nhà nước” và được tuyển dụng vào các cơ quan Nhà nước.

\* *Về những người có liên quan trong vụ án:*

- Luật sư Đỗ Văn Nhận và Luật sư Trương Quốc Hòe được Đậu Quang D giới thiệu cho Bà Nguyễn Thị Ngọc L và đã tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật để bào chữa cho Lê Quang Huy Phương. Cả hai ông đều không biết số tiền Đậu Quang D chuyển cho mình làm chi phí bào chữa cho Lê Quang Huy Phương là do chiếm đoạt được của Bà Nguyễn Thị Ngọc L mà có, không biết các thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của bị cáo, nên không có căn cứ để xử lý.

- Anh La Minh Tú là cháu gọi Bà Nguyễn Thị Ngọc L là Dì ruột, đã giới thiệu cho Bà L gặp Đậu Quang D, anh Tú không biết D dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của Bà L. Vì vậy, anh Tú không đồng phạm với Đậu Quang D.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKS-P2 ngày 03/6/2024, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Đậu Quang D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng:

Về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Đậu Quang D từ 14 năm tù đến 15 năm tù và tổng hợp hình phạt theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét, do bị hại đã có đơn xin rút yêu cầu về bồi thường dân sự.

Về vật chứng của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, tiếp tục lưu giữ các tài liệu đã thu giữ trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa bị cáo Đậu Quang D không thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố và cho rằng mình bị oan sai.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo cho rằng quá trình điều tra vi phạm tố tụng; tuy nhiên, qua các Biên bản ghi lời khai tại Cơ quan điều tra bị cáo không khai nhận hành vi phạm tội của mình, không ký vào các Biên bản, nên các Biên bản lấy lời khai tại Cơ quan điều tra đều có người làm chứng là các phạm nhân khác, bị cáo cũng không bị ép cung nên việc bị cáo cho rằng quá trình điều tra vi phạm tố tụng là không có căn cứ. Mặt khác, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, khẳng định các hành vi và quyết định tố tụng đã được thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Về người bào chữa cho bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo đã được giải thích về người bào chữa, lựa chọn người bào chữa và chỉ định người bào chữa theo các Điều 72, 75, 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự nhưng bị cáo Đậu Quang D đã từ chối người bào chữa và đề nghị để bị cáo tự bào chữa cho mình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị từ chối người bào chữa của bị cáo, cho bị cáo tự bào chữa.

[2.2] Trong vụ án này, bị hại Bà Nguyễn Thị Ngọc L đã có đơn xin xét xử vắng mặt; những người làm chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ, xét thấy: Quá trình điều tra, họ đã có Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai, Biên bản đối chiếu về số tiền mà bị cáo đã chuyển khoản vào số tài khoản của mình, nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt bị hại và các đương sự như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo tại phiên tòa.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo Đậu Quang D:

Tại phiên tòa, bị cáo Đậu Quang D không thừa nhận hành vi phạm tội như các Biên bản lấy lời khai tại Cơ quan điều tra; bị cáo cho rằng không có hành vi phạm tội, không thừa nhận Bản kết luận điều tra và Cáo trạng đã quy kết cũng như các tình tiết, tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của bị cáo

D; lời khai của bị hại tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người làm chứng, vật chứng, chứng cứ điện tử, điện thoại; kết quả sao kê tài khoản của Đậu Quang D tại Ngân hàng, đối soát tài liệu do Bà L cung cấp liên quan đến việc chuyển tiền cho Đậu Quang D; Kết luận giám định về nội dung các file ghi âm nội dung các cuộc trao đổi giữa Bà L và Đậu Quang D mà Cơ quan điều tra đã thu thập được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2020 đến tháng 03/2021, tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, Đậu Quang D mặc dù không có trách nhiệm trong việc giải quyết vụ việc liên quan đến Lê Quang Huy Phương, đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin không có thật là vụ án Lê Quang Huy Phương có oan sai, đồng thời hứa hẹn với Bà L sẽ có tác động từ Trung ương đến các Cơ quan tổ tụng thành phố H và nhiều lần đưa thông tin với Bà L là Phương sẽ được thả về. Tin tưởng lời nói của Đậu Quang D là thật, Bà Nguyễn Thị Ngọc L đã 10 lần chuyển khoản cho D tổng cộng số tiền 2.515.000.000 đồng để “kêu oan” cho Phương. D chỉ chuyển khoản cho Luật sư Đỗ Văn Nhận 40.000.000 đồng và Luật sư Trương Quốc Hòe 30.000.000 đồng tiền chi phí bào chữa cho Lê Quang Huy Phương, số tiền còn lại là 2.445.000.000 đồng D chiếm đoạt, tiêu xài cá nhân.

Hành vi của Đậu Quang D đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi này của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 37/CT-VKS-P2 ngày 03/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Đậu Quang D là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng:

Bị cáo D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do muốn có tiền để trả nợ, mua sắm, tiêu xài cá nhân, nên đã dẫn đến việc phạm tội. Chỉ trong một thời gian ngắn, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nhiều lần và có tang số phạm tội rất lớn. Hành vi của bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có một hình phạt thật nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng:

Mặc dù được xác định là không có tiền án, tiền sự nhưng Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt tù về các tội “Giả mạo giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo vẫn không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, quanh co chối tội và cũng chưa bồi thường, khắc phục được phần nào hậu quả cho phía bị hại Bà L, điều này thể hiện bị cáo có thái độ không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bị hại Bà L đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại Bà L đã có đơn xin rút yêu cầu về bồi thường trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: Vật chứng thu giữ do Bà Nguyễn Thị Ngọc L giao nộp gồm:

- + 10 chứng từ giao dịch thể hiện việc chuyển tổng số tiền 2.515.000.000 đồng đến tài khoản 0451000333732 tại Ngân hàng Vietcombank, tài khoản 94391668 tại Ngân hàng VPbank của Đậu Quang D và tài khoản 00211000427073 tại Ngân hàng Vietcombank của Trần Mạnh T.

- + 01 tập tài liệu tổng hợp (Bà L trình bày do D đưa cho Bà L)

- + 01 USB hiệu Sandisk, dung lượng 08GB có lưu 08 file ghi âm nói chuyện giữa D và Bà L.

Đây là những tài liệu, chứng cứ chứng minh tội phạm, cần tiếp tục lưu giữ lại trong hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo D phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Đậu Quang D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Đậu Quang D 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt 13 năm tù của bản án này với 12 năm tù tại bản án hình sự phúc thẩm số 420/2023/HS-PT ngày 13/06/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Buộc bị cáo Đậu Quang D phải chấp hành hình phạt chung là 25 (hai mươi lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam trong vụ án khác 22/6/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án các tài liệu, chứng cứ do bị hại Bà Nguyễn Thị Ngọc L cung cấp, cụ thể:

- + 10 chứng từ giao dịch thể hiện việc chuyển tổng số tiền 2.515.000.000 đồng đến tài khoản 0451000333732 tại Ngân hàng Vietcombank, tài khoản 94391668 tại Ngân hàng VPbank của Đậu Quang D và tài khoản 00211000427073 tại Ngân hàng Vietcombank của Trần Mạnh T.

- + 01 tập tài liệu tổng hợp (Bà L trình bày do D đưa cho Bà L)

- + 01 USB hiệu Sandisk, dung lượng 08GB có lưu 08 file ghi âm nói chuyện giữa D và Bà L.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc về án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Đậu Quang D phải chịu 200.000 đồng.

Án sơ thẩm xét xử công khai, bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT - Huế;
- Phòng PV06 CA tỉnh TT - Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh TT - Huế;
- Trại giam Xuân Hà - Bộ Công an;
- Sở Tư pháp;
- CQĐT CA tỉnh TT - Huế;
- CQ THAHS CA tỉnh TT - Huế;
- Cục THADS tỉnh TT - Huế;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HSVA, HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Đào Vi**